

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày 02-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Cao Thị Thu Thúy
Bà Nguyễn Thị Phi Khanh
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Kim C, sinh năm 1978.
Địa chỉ: 950/05/01 đường Phạm Văn Đồng, tổ 07, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*
2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1970.
Địa chỉ: 1000 đường Phạm Văn Đồng, làng Bruk Ngol, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 03-12-2018 và tại bản tự khai ngày 04-12-2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là Bà Hoàng Thị Kim C trình bày:

Ngày 28-6-2017, ông Trần Văn D có vay của bà số tiền 12.000.000 đồng để lo việc gia đình, khi vay có viết giấy mượn tiền và hẹn 02 tháng sau ông D sẽ trả lại số tiền này, lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng với nhau. Hết thời hạn, bà nhiều lần yêu cầu ông D trả nợ nhưng từ đó đến nay ông D chưa trả cho bà đồng

nào. Do đó, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn D trả cho bà số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng cùng với tiền lãi chậm trả tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 28-8-2017 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất là 0,88%/tháng.

Tại phiên tòa bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Trần Văn D trả cho bà số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất là 0,88%/tháng.

Tại phiên tòa ông Trần Văn D vắng mặt; tại bản tự khai ngày 06-5-2019 và Biên bản hòa giải ngày 06-5-2019; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, bị đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông công nhận hiện có nợ bà Hoàng Thị Kim C số tiền gốc là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) theo giấy mượn tiền ngày 28-6-2017. Ông đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà C. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông đang khó khăn nên không thể trả một lần cho bà C được, ông đề nghị bà C cho ông được trả dần tiền nợ gốc và lãi trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 06-5-2019.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Kim C, buộc ông Trần Văn D phải trả cho bà Hoàng Thị Kim C số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ tính từ ngày 29-8-2017 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 0,88%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định:

[1] Bà Hoàng Thị Kim C khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với ông Trần Văn D có nơi cư trú tại số nhà 1000 đường Phạm văn Đồng, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Trần Văn D.

[3] Ngày 28 tháng 6 năm 2017, bà C có cho ông Trần Văn D vay số tiền 12.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng sẽ trả số tiền vay, lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng. Khi vay các bên có viết giấy mượn tiền và ký xác nhận việc vay tiền. Đến hạn trả nợ, bà C đã nhiều lần yêu cầu ông Trần Văn D trả nợ nhưng đến

nay chưa trả cho bà, nên bà yêu cầu Tòa án xử buộc ông Trần Văn D phải trả cho bà số tiền 12.000.000 đồng nợ gốc theo “*Giấy mượn tiền*” ngày 28-6-2017 và tiền lãi chậm trả tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 28-8-2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 0,88%/tháng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 28-6-2017 do nguyên đơn cung cấp bản gốc có trong hồ sơ thể hiện, ông Trần Văn D có ký vay tiền của bà Hoàng Thị Kim C số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*), thời hạn vay là 02 tháng. Tại Biên bản hòa giải ngày 06-5-2019, ông Trần Văn D công nhận có vay của bà Hoàng Thị Kim C số tiền 12.000.000 đồng. Như vậy, việc ông Trần Văn D vay tiền của bà Hoàng Thị Kim C là có thật. Do ông Trần Văn D không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, bà Hoàng Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn D thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

[5] Hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà Hoàng Thị Kim C và ông Trần Văn D được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã cam kết, nhưng ông Trần Văn D vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, do đó cần buộc ông Trần Văn D phải trả số tiền nợ 12.000.000 đồng cho bà Hoàng Thị Kim C theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Khi vay tiền các bên không có thỏa thuận về lãi suất cũng như mức lãi suất, tuy nhiên theo lời khai của nguyên đơn lãi suất thỏa thuận miệng, nhưng tại bản khai của bị đơn đề ngày 06-5-2019 thừa nhận số tiền nợ là 12.000.000 đồng và đề nghị trả cho nguyên đơn trong thời hạn 04 tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng, nguyên đơn không chứng minh được là có thỏa thuận lãi. Tại biên bản hòa giải ngày 06-5-2019, nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn D trả cho nguyên đơn số tiền 12.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi chậm trả kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ ngày 28-8-2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 0,88%/tháng mà không có yêu cầu trả lãi trong thời hạn vay 02 tháng, bị đơn đồng ý trả nợ gốc và lãi chậm trả theo yêu cầu của chị C. Nên đây là trường hợp vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Xét yêu cầu trả lãi chậm trả của bà C đối với số tiền 12.000.000 đồng mà ông D chưa trả, tại Biên bản hòa giải ngày 06-5-2019 các bên thỏa thuận được mức lãi suất 0,88% tháng, quy đổi mức lãi suất năm là 10,56%/năm, theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 là không vượt quá mức lãi suất 20% /năm quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu trả lãi chậm trả của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Do vậy, tiền lãi chậm trả kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ cho đến ngày Tòa án tuyên án khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn D phải trả cho bà C, cụ thể: Ngày 28-8-2017 là ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày tính lãi chậm trả kể từ ngày 29-8-2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 02-7-2019 là 669 ngày; số tiền lãi phải chịu được tính: 12.000.000 đồng x 669 ngày x 10,56%/năm = 2.322.621 đồng. Như vậy tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm trả trên nợ gốc mà ông D phải trả cho bà C là 14.322.621 đồng (*Mười bốn*

triệu ba trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm hai một đồng) bao gồm: Nợ gốc chưa trả 12.000.000 đồng và lãi chậm trả 2.322.621 đồng.

[8] Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Trần Văn D có đề nghị bà C cho ông được trả dần tiền nợ gốc và lãi trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 06-5-2019, nhưng bà C không đồng ý. Yêu cầu của ông Trần Văn D không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Kim C được chấp nhận nên ông Trần Văn D phải chịu 716.131 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Kim C.

Buộc ông Trần Văn D phải trả cho bà Hoàng Thị Kim C 14.322.621 đồng (*Mười bốn triệu ba trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm hai một đồng*), trong đó có 12.000.000 đồng nợ gốc và 2.322.621 đồng tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn D phải chịu 716.131 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà C 339.600 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004263 ngày 04-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Công Tôn